

Số: 05/2019/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 15 tháng 3 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NAM ĐỊNH

Số: 602
Ngày: 20/03
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;
Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 40/TTr-SNV ngày 29/01/2019 và Báo cáo thẩm định số 10/BC-STP ngày 23/01/2019 của Sở Tư pháp về ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2019 và thay thế Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Ban TĐKT Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (Ban TĐKT);
- Lưu: VP1, VP8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nam Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND
ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định: nguyên tắc thi đua, khen thưởng; hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng; Hội đồng Thi đua, khen thưởng; Quỹ thi đua khen thưởng.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với:

a) Các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị); các cụm, khối thi đua của tỉnh, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

b) Công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh Nam Định.

2. Quy định này không áp dụng đối với việc xét khen thưởng thành tích xây dựng tổ chức Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, Hội hoặc thành tích trong các cuộc thi, các cuộc vận động hoặc các phong trào thi đua do cơ quan Trung ương của các tổ chức này phát động và chủ trì thực hiện.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

1. Tự nguyện, tự giác, công khai; đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, thành tích thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua. Mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (gọi tắt là Nghị định 91/2017/NĐ-CP), Điều 2 Thông tư 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ (gọi tắt là Thông tư 08/2017/TT-BNV), cụ thể:

1. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng ở mức cao hơn. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề, khen thưởng đột xuất được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Khi xét khen thưởng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, phụ trách.

3. Trong cùng một thành tích, cùng một thời gian lập được thành tích; tập thể, cá nhân đã đề nghị bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương khen thưởng thì không trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

4. Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính từ thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

5. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng tổng kết công tác năm):

a) Trong một năm, đối với tập thể và cá nhân chỉ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu thi đua hoặc đề nghị tặng Bằng khen.

b) Đối với các tập thể, cá nhân đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được) thì sau 02 năm nếu đạt tiêu chuẩn theo quy định thì mới tiếp tục được xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

6. Đối với khen thưởng chuyên đề:

a) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh được giao chủ trì thực hiện các chuyên đề, lĩnh vực công tác khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị khác khi sơ kết, tổng kết thi đua theo chuyên đề.

b) Khen thưởng theo chuyên đề đối với tập thể chủ yếu là tập thể nhỏ (phòng, ban, chi cục, trung tâm và tương đương; các đơn vị trực thuộc các chi cục, trung tâm và tương đương; khoa, phòng và tương đương thuộc bệnh viện, trường học; xí nghiệp, phòng, phân xưởng thuộc Công ty, Tổng Công ty).

c) Không xét khen thưởng cho tập thể Ban chỉ đạo hoặc tổ giúp việc Ban Chỉ đạo.

7. Đối với khen thưởng đột xuất:

Không xét khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân thực hiện công việc được đảm nhận theo nhiệm vụ công tác hoặc theo chương trình, kế hoạch đã định trước.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1. TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 5. Tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch UBND tỉnh - Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm tham mưu với Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh về nội dung, tổ chức các phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh; đề xuất tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến; đánh giá, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và hướng dẫn các cụm, khối thi đua hoạt động theo hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị Trung ương trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, Chủ nhiệm hợp tác xã có trách nhiệm tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng trong phạm vi quản lý của mình để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền tôn vinh, tạo điều kiện cho các tập thể, cá nhân được khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

5. Các cơ quan thông tin của tỉnh có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các tập thể, cá nhân có

thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên:

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động phong trào nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đối tượng của thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên được triển khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc ủy quyền cho thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thành lập.

b) Các tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua thường xuyên phải thực hiện đăng ký thi đua, xác định mục tiêu thi đua, chỉ tiêu thi đua.

c) Hàng năm các cụm, khối thi đua và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua trong cụm, khối và cơ quan, đơn vị.

Kết thúc năm công tác, cụm trưởng, khối trưởng các cụm, khối thi đua của tỉnh; thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiến hành tổng kết và bình xét, công nhận hoặc đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua; khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc thi đua theo đợt):

a) Thi đua theo chuyên đề (hoặc thi đua theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Việc phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) phải đảm bảo yêu cầu:

- Xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua; báo cáo, đăng ký nội dung thi đua với UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh.

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố khen thưởng theo thẩm quyền cho những thành tích trong thực hiện phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt). Đối với trường hợp đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng phải báo cáo Lãnh đạo tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực cho ý kiến trước khi trình khen thưởng.

d) Đối với các phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian từ 03 năm trở lên, trước khi sơ kết, tổng kết, Sở Nội vụ hướng dẫn các ngành,

đơn vị, địa phương lựa chọn, đề xuất những tập thể, cá nhân tiêu biểu, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

Những trường hợp đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương (sau đây gọi là khen thưởng cấp nhà nước) chỉ thực hiện sau khi đã báo cáo và được sự hướng dẫn của Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, Điều 5 Thông tư 08/2017/TT-BNV.

Điều 8. Tổ chức cụm, khối thi đua

1. UBND tỉnh quyết định thành lập cụm, khối thi đua của tỉnh gồm các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các huyện, thành phố; doanh nghiệp thuộc tỉnh; các tổ chức Hội đặc thù; các trường Đại học, cao đẳng; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn tỉnh.

2. UBND tỉnh ủy quyền cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh quyết định thành lập các khối thi đua đối với các phòng, ban, đơn vị thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định thành lập các cụm, khối thi đua đối với các đơn vị, địa phương thuộc các huyện, thành phố.

3. Cụm, khối thi đua hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các phong trào thi đua hàng năm do UBND tỉnh, các ngành, đơn vị, địa phương phát động; bình xét đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ (đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh), Cờ thi đua và Bằng khen của UBND tỉnh cho các đơn vị trong cụm, khối có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; suy tôn Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua.

Mục 2. DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

- a) Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
- b) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.
- c) Chiến sĩ thi đua cơ sở.
- d) Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến (đối với lực lượng vũ trang).

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

- a) Cờ thi đua của Chính phủ.
- b) Cờ thi đua của UBND tỉnh.
- c) Tập thể lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng (đối với lực lượng vũ trang).
- d) Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến (đối với lực lượng vũ trang).
- đ) Thôn văn hoá, Xóm văn hoá, Làng văn hoá, Tổ dân phố văn hóa.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: “Gia đình văn hóa”.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

2. Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học của tỉnh xem xét và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận.

3. Thời điểm đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh và được Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Khoa học của tỉnh công nhận;

2. Những trường hợp được xét thay thế giải pháp, sáng kiến:

a) Đạt giải nhất, nhì, ba trong hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật từ cấp tỉnh, Bộ, ngành Trung ương trở lên;

b) Được tặng “Bằng lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

c) Là tác giả hoặc đồng tác giả các giải thưởng của Nhà nước.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét đề nghị sau năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

4. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” hàng năm không vượt quá 15% tổng số cá nhân 03 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” của cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, đơn vị, địa phương;

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Thực hiện theo quy định Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho các tập thể sau:

a) Tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể thuộc tỉnh đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua của UBND tỉnh. Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

b) Tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các cụm, khối thi đua, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND các huyện, thành phố; Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh xét, lựa chọn tập thể tiêu biểu xuất sắc đề nghị UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua.

3. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh.

Điều 15. Danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh

1. Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu các cụm, khối thi đua do UBND tỉnh thành lập; các cụm, khối thi đua do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND huyện, thành phố thành lập theo ủy quyền của UBND tỉnh, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong tỉnh học tập; có các biện pháp cải tiến trong lao động, sản xuất, công tác;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

d) Thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành, địa phương; xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh.

2. Tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua theo chuyên đề do UBND tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên.

3. Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc để được xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh phải thông qua bình xét, đánh giá, so sánh và suy tôn trong các cụm, khối thi đua hoặc thông qua các phong trào thi đua do UBND tỉnh quy định.

4. Không thực hiện việc xét, đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho các phòng thuộc các sở, ban, ngành; các tập thể thuộc đối tượng quản lý của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (tổ chức không có con dấu, không có pháp nhân).

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết nhiệm vụ công tác năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

3. Đối tượng được xét tặng

a) Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, gồm: phòng, ban, chi cục, trung tâm và tương đương; các đơn vị trực thuộc các chi cục, trung tâm và tương đương;

b) Đối với các huyện, thành phố gồm: các phòng, ban, đoàn thể cấp huyện và tương đương; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương.

d) Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, Hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

4. Hàng năm, trên cơ sở đánh giá, xếp loại tổ chức, cơ quan, đơn vị; các cơ quan, đơn vị, địa phương xét, đề nghị UBND tỉnh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho các tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tỷ lệ xét, đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 20% tổng số “Tập thể lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 17. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết nhiệm vụ công tác năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

2. Đối tượng được xét tặng theo Khoản 2 Điều 16 Quy định này.

3. Căn cứ đặc điểm tình hình và nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tỷ lệ danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương cho phù hợp.

Điều 18. Danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Xóm văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và “Gia đình văn hóa”

Tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét công nhận danh hiệu “Làng văn hoá”, “Thôn văn hoá”, “Xóm văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá” và “Gia đình văn hoá” thực hiện theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 19. Danh hiệu thi đua thuộc lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội

1. Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Bộ Chỉ

huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh thống nhất với Sở Nội vụ hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện.

2. Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương của tổ chức này.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 20. Khen thưởng cấp nhà nước, khen thưởng quá trình công hiến và chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình công hiến

1. Khen thưởng cấp nhà nước

a) Đối tượng và tiêu chuẩn xét tặng Huân chương các loại (gồm có: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập các hạng, Huân chương Lao động các hạng, Huân chương Đại đoàn kết dân tộc, Huân chương Dũng cảm); danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 33; Khoản 1, Khoản 2 Điều 34; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 42; Khoản 1 Điều 45; Điều 49, Điều 50; Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 70 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và các khoản 9, 10, 11, 12, 13, 14, 18, 19, 20, 30, 31, 37, 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013, các điều 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 24, 31, 32 và Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đối với việc xét tặng các danh hiệu, giải thưởng: Danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”, danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”; “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước” thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của các bộ, ngành Trung ương quy định việc xét tặng các danh hiệu, giải thưởng này.

2. Khen thưởng quá trình công hiến và các chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình công hiến: Thực hiện theo quy định tại khoản 12, 13, 14, 18, 19, 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; các điều 41, 42, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 21. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng dịp tổng kết công tác năm).

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh được xét khen thưởng hàng năm cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc vào dịp tổng kết công tác năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân:

- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Đối với tập thể:

- Tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật đối với mọi thành viên trong tập thể.

c) Căn cứ đặc điểm tình hình và nhiệm vụ được giao, UBND tỉnh quyết định việc phân bổ số lượng Bằng khen cho các cụm, khối thi đua của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt):

a) Khen thưởng theo chuyên đề theo kế hoạch tổ chức triển khai của các cơ quan trung ương, khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua thì cơ quan, đơn vị được giao chủ trì có trách nhiệm phối hợp với cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh về cơ cấu, số lượng khen thưởng để UBND tỉnh xem xét khen thưởng theo quy định.

b) Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) do UBND tỉnh phát động hoặc các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì phát động. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan làm công tác thi đua khen thưởng để xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức phong trào thi đua và lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trình UBND tỉnh khen thưởng vào dịp sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

c) Khen thưởng các phong trào thi đua do các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát động: Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan làm công tác thi đua khen thưởng và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan lựa chọn các tập thể, cá nhân là hội viên, đoàn viên điển hình tiên tiến, có thành tích xuất sắc tiêu biểu đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen.

d) Khen thưởng nhân kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống vào những năm chẵn (năm tròn chục) theo quy định của Nhà nước

- Các ngành, địa phương, đơn vị báo cáo và được sự chấp thuận của Lãnh đạo tỉnh về việc tổ chức lễ kỷ niệm và khen thưởng cho các tập thể, cá nhân nhân kỷ niệm ngày thành lập hoặc ngày truyền thống.

- Tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng:

Đối với cá nhân: Lựa chọn những cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong số những cá nhân có thời gian công tác tại đơn vị từ 10 năm trở lên; không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; 05 năm liền kề trước thời điểm đề nghị khen thưởng phải

liên tục đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong đó đã có năm được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” hoặc được Thủ trưởng đơn vị tặng Giấy khen.

Đối với tập thể: Là những tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; không có cá nhân vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; 05 năm liền kề trước thời điểm đề nghị khen thưởng phải liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” hoặc được tặng các hình thức khen thưởng khác.

đ) Khen thưởng nhân Đại hội nhiệm kỳ đối với các hội là tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh: Các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có thành tích xuất sắc trong thời gian tham gia hoạt động của cả nhiệm kỳ.

e) Khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Kế hoạch của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh với thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên: Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có 2/3 thời gian trực tiếp tham gia và có thành tích tiêu biểu trong quá trình triển khai thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, Chỉ thị, ...

g) Số lượng đề nghị khen thưởng theo chuyên đề tối đa không quá 15 tập thể, cá nhân (trừ khen thưởng một số chuyên đề, lĩnh vực hoặc khen thưởng đợt thi đua thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh).

3. Khen thưởng đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhà nước, của nhân dân trong điều kiện hỏa hoạn, thiên tai, dịch họa, dịch bệnh; có thành tích xuất sắc trong việc tố cáo hành vi tham nhũng; dũng cảm trong chiến đấu nhằm bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong tỉnh.

b) Tập thể, cá nhân đạt giải đặc biệt, nhất, nhì, ba (hoặc huy chương vàng, bạc, đồng) trong các cuộc thi, kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

c) Những người trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn các cá nhân đạt giải cao quy định tại điểm b khoản 3 điều này.

4. Khen thưởng đối ngoại: Các cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh; cá nhân, tổ chức nước ngoài; người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh; có thành tích xuất sắc trong công tác xã hội, nhân đạo, từ thiện trên địa bàn tỉnh.

5. Khen thưởng gia đình:

Gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; được cộng đồng dân cư ở cơ sở (thôn, làng, xóm, tổ dân phố) bình xét, suy tôn.

6. Khen thưởng công nhân, nông dân, người lao động

Công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được xét tặng Bằng khen khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Công nhân có sáng kiến trong lao động, sản xuất và áp dụng mang lại lợi ích cho đơn vị, doanh nghiệp; có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề; được đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức công đoàn cơ sở công nhận.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên được cấp huyện công nhận, giúp đỡ hộ nông dân khác xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm ổn định cho 05 lao động trở lên.

7. Khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân:

a) Đối tượng: Các doanh nghiệp, doanh nhân có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Tiêu chuẩn:

Doanh nghiệp đề nghị khen thưởng phải có thời gian hoạt động ổn định theo quy định của pháp luật từ 02 năm liên tục trở lên (tính đến thời điểm xét khen thưởng), đạt các tiêu chuẩn sau:

- Chấp hành đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về tài chính, thuế và các khoản thu ngân sách theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo đời sống, việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Thực hiện tốt quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tích cực tham gia đóng góp các hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo, tham gia các phong trào do địa phương nơi doanh nghiệp đóng trên địa bàn phát động.

c) Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan lựa chọn các doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu để trình khen thưởng vào dịp Ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10) hoặc dịp UBND tỉnh tổ chức Hội nghị Lãnh đạo tỉnh gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 22. Giấy khen

1. Đối tượng và tiêu chuẩn được thực hiện theo quy định tại khoản 41, 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, Điều 40 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quy định thành tích, mức đóng góp của gia đình để khen thưởng cho phù hợp.

3. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Chương IV
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN, TUYỂN TRÌNH KHEN;
THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG; HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN
THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

Mục 1. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; TUYỂN TRÌNH KHEN

Điều 23. Thẩm quyền quyết định, đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Quyết định tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen cho các tập thể, cá nhân.

b) Xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

a) Quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” và Giấy khen.

b) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Bằng khen và trình khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:

a) Quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Thôn, làng, xóm, tổ dân phố văn hóa”.

b) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và trình khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

4. Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn:

a) Quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hóa”;

b) Đề nghị Chủ tịch UBND huyện, thành phố xét tặng Giấy khen, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Thôn, làng, xóm, tổ dân phố văn hóa”.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Chủ nhiệm Hợp tác xã quyết định tặng Giấy khen,

danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với các trường hợp: (nên viết cả TT Tỉnh ủy theo quy chế phân cấp):

a) Đề nghị tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sỹ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, Huân chương các loại đối với tập thể và cá nhân.

b) Cá nhân đề nghị khen thưởng cấp nhà nước thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh: Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định của Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua Khen thưởng, Sở Nội vụ), Hội đồng hợp xét, cho ý kiến đề nghị UBND tỉnh xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh; tặng Cờ thi đua và Bằng khen của UBND tỉnh cho các tập thể được các cụm, khối thi đua của tỉnh bình xét hàng năm; đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương các loại; danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” cho các tập thể, cá nhân.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng tỉnh - cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh):

a) Thẩm định, tổng hợp hồ sơ khen thưởng để báo cáo Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng quy định tại khoản 2 điều này.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của UBND tỉnh để trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo quy định.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm về việc xét duyệt, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 25. Tuyến trình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định 91/2017/NĐ-CP:

1. Cơ quan, đơn vị, địa phương nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết có trách nhiệm lựa chọn các điển hình tiên tiến để khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Cụm trưởng, khối trưởng các cụm, khối thi đua của tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho các đơn vị được bình xét, suy tôn trong cụm, khối thi đua.

3. Việc đề nghị khen thưởng cho đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách các cấp:

- Đối với đại biểu Quốc hội chuyên trách ở tỉnh do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

- Đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp tỉnh, Văn phòng HĐND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

- Đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Đối với các tổ chức, cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc tỉnh do cơ quan Đảng (các ban đảng, cơ quan thuộc Tỉnh ủy), đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc huyện, thành phố do cơ quan đảng (các ban đảng, cơ quan thuộc huyện ủy, thành ủy) đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND huyện, thành phố khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND huyện, thành phố trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

c) Đối với tổ chức công đoàn: Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với: Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn do Liên đoàn Lao động tỉnh thành lập; Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố; Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức tỉnh; Công đoàn khu công nghiệp; Công đoàn công ty, tổng công ty; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ công đoàn cơ sở.

5. Đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành giáo dục và đào tạo:

a) Tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị, trường học thuộc UBND huyện, thành phố do Chủ tịch UBND huyện, thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị, trường học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Đối với Huân chương Đại đoàn kết dân tộc, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng theo quy định.

7. Đối với khen thưởng tổ chức, cá nhân tôn giáo

a) Tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đề nghị UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Tổ chức, cá nhân tôn giáo thuộc địa phương nào, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp đó đề nghị UBND cùng cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

8. Đối với khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm trong phạm vi đơn vị, địa phương nào thì đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt là người đó trong hay ngoài đơn vị, địa phương).

9. Đối với khen thưởng cho tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam định cư, làm việc, học tập ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài do ngành cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, địa phương nào trực tiếp làm việc với tổ chức, cá nhân nêu trên lập thủ tục hồ sơ khen thưởng, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Điều 26. Hiệp y khen thưởng

1. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

2. UBND tỉnh hiệp y khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho các cơ quan Trung ương và người đứng đầu các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; Hiệp y khen thưởng đề nghị cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (khen thưởng theo đợt, chuyên đề) theo đề nghị của Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương.

3. Khen thưởng cho tập thể và cá nhân là thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể thuộc huyện, thành phố phải có ý kiến hiệp y của các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh có liên quan.

4. Khen thưởng cho các doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nào thì xin ý kiến hiệp y của cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực có liên quan.

5. Khen thưởng đối ngoại phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan.

6. Ban Thi đua khen thưởng tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến hiệp y của các cơ quan có liên quan. Khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp y, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau 07 ngày làm việc nếu không có ý kiến trả lời, Ban Thi đua khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định. Thủ trưởng cơ quan được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Mục 2. THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 27. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ trình khen thưởng

1. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình UBND tỉnh khen thưởng: Cờ thi đua, danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", Bằng

khen, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể và cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ đề nghị khen thưởng phải có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách; việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Đối với doanh nghiệp và cá nhân là người đứng đầu doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian xét thành tích đề nghị khen thưởng cấp nhà nước, 02 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng cấp tỉnh.

Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

2. Đối với tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90%; đối với đề nghị tặng thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

3. Ban Thi đua khen thưởng đăng tải lấy ý kiến nhân dân trên Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ trước khi trình Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh xét duyệt đối với tập thể, cá nhân đề nghị tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trong thời hạn 10 ngày làm việc.

4. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo các mẫu (từ số 01 đến số 09) Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Khi trình khen thưởng, các cơ quan, đơn vị, địa phương đồng thời gửi file điện tử của hồ sơ đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua, khen thưởng).

Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh phải có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng tính đến thời điểm sở, ban, ngành, địa phương trình UBND tỉnh trước 02 tháng; nếu quá thời hạn trên, sở, ban, ngành, địa phương phải bổ sung thành tích của tập thể, cá nhân.

6. Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ trình khen thưởng, gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.

Điều 28. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thực hiện theo quy định tại Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định 91/2017/NĐ-CP và Quyết định của UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Sở Nội vụ.

Điều 29. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng) lưu trữ hồ sơ trình UBND tỉnh khen thưởng.

2. Các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, cơ quan, đơn vị; UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ mà cấp mình khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 30. Hủy bỏ quyết định khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 78 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

Mục 3. HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

Điều 31. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh

a) Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh quyết định thành lập.

b) Hội đồng gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng

- Các Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên khác là lãnh đạo, thủ trưởng một số sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Chủ tịch Hội đồng quyết định.

- Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng ban Ban Thi đua khen thưởng tỉnh là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng.

c) Ban Thi đua, Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

d) Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tham mưu cho Tỉnh ủy ban hành các chủ trương lãnh đạo công tác thi đua khen thưởng, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch về công tác thi đua khen thưởng hàng năm, 05 năm và tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của các cấp, các ngành;

qua đó kiến nghị, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, quy định của tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng.

- Xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp

Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh hướng dẫn thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần đối với Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 32. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học

1. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” quyết định thành lập.

2. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác có liên quan.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng Khoa học có nhiệm vụ giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố xem xét, công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng.

4. Việc xét công nhận sáng kiến thực hiện theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Nam Định.

5. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

6. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học chỉ được sử dụng một lần để xét tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng.

Chương V
QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 33. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 34. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc lập dự toán, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo đúng chế độ chính sách quy định.

Điều 35. Mức tiền thưởng

Mức tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73 và điều 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp, trường học, tổ chức, đơn vị, căn cứ Quy định này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với ngành, địa phương, cơ quan đơn vị mình.

2. Giao Sở Nội vụ tổ chức hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Quy định này.

3. Quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các ngành, các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị